

Số: 675/QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,
mức độ 4 của Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/2018/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 3457/QĐ-BKHHCN ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 4094/QĐ-BKHHCN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2019;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Giám đốc Trung tâm công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

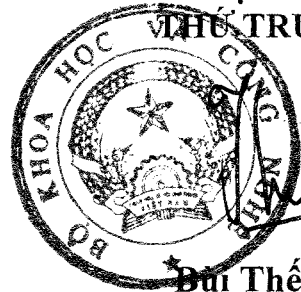
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Công thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, VP, TTCNTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Thế Duy


BẢNG MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
MỨC ĐỘ 3, 4 CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
 Quyết định số 675/QĐ-BKHCN ngày 28/3/2019
 (trường Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/Nhóm thủ tục/Dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 3	Mức độ 4
A	Lĩnh vực khoa học và công nghệ		
I	Nhóm thủ tục về nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
1	Thủ tục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ	3	
2	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ	3	
3	Thủ tục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư	3	
4	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020	3	
5	Thủ tục đăng ký chủ trì, thực hiện dự án hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	3	
6	Thủ tục đăng ký chủ trì, thực hiện các dự án phục vụ công tác quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	3	
7	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước		4
8	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	3	
9	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước	3	
10	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	3	
11	Thủ tục công nhận là nhà khoa học đầu ngành	3	
12	Thủ tục đăng ký nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ		4

13	Thủ tục đăng ký tham gia xét chọn giải thưởng Tạ Quang Bửu		4
14	Thủ tục đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ		4
15	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ	3	
16	Thủ tục đăng ký thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ		4
17	Thủ tục đăng ký nghiên cứu sau tiến sĩ tại Việt Nam do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ	3	
18	Thủ tục đăng ký nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí Khoa học và công nghệ trong nước do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ	3	
19	Thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ	3	
20	Thủ tục đăng ký tài trợ của nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ	3	
II	Nhóm thủ tục về chuyên giao công nghệ		
21	Thủ tục chấp thuận chuyên giao công nghệ	3	
22	Thủ tục cấp Giấy phép chuyên giao công nghệ	3	
23	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyên giao công nghệ	3	
24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên giao công nghệ	3	
III	Nhóm thủ tục về đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ		
25	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ		4
26	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ		4
27	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ	3	
28	Thủ tục cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	3	

29	Thủ tục đề nghị thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài	3	
B Lĩnh vực phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ			
30	Thủ tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong Khu CNC hoạt động đưa người đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời gian dưới 90 ngày		4
31	Thủ tục nhận thông báo về địa điểm, địa bàn, thời gian bắt đầu hoạt động và người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong Khu CNC Hòa Lạc		4
32	Thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong Khu CNC Hòa Lạc		4
33	Thủ tục cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong Khu CNC Hòa Lạc		4
34	Thủ tục thu hồi giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong Khu CNC Hòa Lạc		4
35	Thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong Khu CNC Hòa Lạc không thuộc diện cấp giấy phép lao động		4
36	Thủ tục nhận thông báo của doanh nghiệp trong Khu CNC Hòa Lạc việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm		4
37	Thủ tục tiếp nhận hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động của các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động đầu tư tại Khu CNC Hòa Lạc		4
C Lĩnh vực sở hữu trí tuệ			
I Nhóm thủ tục về đăng ký sở hữu công nghiệp			
38	Thủ tục đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích		4
39	Thủ tục đăng ký sáng chế theo Hiệp ước PCT có nguồn gốc Việt Nam	3	
40	Thủ tục đăng ký sáng chế theo Hiệp ước PCT có chỉ định Việt Nam	3	
41	Thủ tục đăng ký sáng chế theo Hiệp ước PCT có chọn Việt Nam	3	
42	Thủ tục đăng ký kiểu dáng công nghiệp		4
43	Thủ tục đăng ký nhãn hiệu		4

44	Thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu có nguồn gốc Việt Nam	3	
45	Thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý	3	
46	Thủ tục đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	3	
47	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp	3	
48	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	3	
II	Nhóm thủ tục về duy trì, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy bỏ, khiếu nại về sở hữu công nghiệp		
49	Thủ tục sửa đổi văn bằng bảo hộ	3	
50	Yêu cầu cung cấp bản sao tài liệu thông tin sở hữu công nghiệp	3	
51	Thủ tục chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp	3	
52	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp	3	
53	Thủ tục duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ		4
54	Thủ tục gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ		4
55	Thủ tục cấp lại/cấp phó văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp	3	
56	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	3	
57	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	3	
58	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, tách đơn đăng ký sở hữu công nghiệp	3	
59	Thủ tục yêu cầu ghi nhận chuyển giao đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp	3	
60	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi, bổ sung nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	3	
61	Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp	3	
III	Nhóm thủ tục về giám định sở hữu công nghiệp		
62	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	3	
63	Thủ tục cấp thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	3	
64	Thủ tục cấp lại thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	3	

65	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	3	
66	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	3	
IV	Nhóm thủ tục về đại diện sở hữu công nghiệp		
67	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	3	
68	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	3	
69	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	3	
70	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	3	
71	Thủ tục ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	3	
72	Thủ tục ghi nhận thay đổi về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp/người đại diện sở hữu công nghiệp	3	
D	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ		
73	Thủ tục khai báo chất phóng xạ		4
74	Thủ tục cấp giấy khai báo chất thải phóng xạ		4
75	Thủ tục khai báo thiết bị bức xạ (trừ thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)		4
76	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (xây dựng cơ sở bức xạ)		4
77	Thủ tục khai báo bổ sung thông tin sau khi cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử		4
78	Thủ tục sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử		4
79	Thủ tục cấp sửa đổi giấy đăng ký hoạt động dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ		4
E	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng		
80	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch		4
	Tổng cộng	52	28